

CHÍNH PHỦ
Số: 50/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 01 năm 2004;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cụ thể về:

- Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự;
- Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chấp hành viên, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự;
- Chế độ, chính sách đối với Chấp hành viên và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự.

Điều 2. Các cơ quan quản lý thi hành án dân sự

- Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước.

2. Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong quân đội.

3. Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự trên địa bàn cấp tỉnh; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý đối với cơ quan thi hành án ở địa phương theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý về công tác thi hành án dân sự trên địa bàn cấp huyện.

Điều 3. Cơ quan thi hành án dân sự

Cơ quan thi hành án dân sự gồm có:

1. Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Thi hành án dân sự cấp tỉnh).

Thi hành án dân sự cấp tỉnh chịu sự quản lý, chỉ đạo của Bộ Tư pháp về tổ chức, cán bộ, công chức, kinh phí và nghiệp vụ; chịu sự quản lý, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

2. Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Thi hành án dân sự cấp huyện).

Thi hành án dân sự cấp huyện trực thuộc và chịu sự quản lý, chỉ đạo của Thi hành án dân sự cấp tỉnh về kinh phí và nghiệp vụ; chịu sự quản lý, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thi hành án dân sự cấp huyện sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

3. Thi hành án quân khu và tương đương (sau đây gọi chung là Thi hành án cấp quân khu).

Thi hành án cấp quân khu chịu sự quản lý, chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và Tư lệnh quân khu theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế và kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự

1. Biên chế, kinh phí của Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và các cơ quan thi hành án dân sự địa phương :

a) Biên chế của Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ trên cơ sở kế hoạch biên chế thi hành án hàng năm của Bộ Tư pháp.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Thi hành án dân sự cấp tỉnh và quy định mức biên chế cho Thi hành án dân sự cấp huyện của từng địa phương.

b) Kinh phí hoạt động của Cục Thi hành án dân sự, các cơ quan thi hành án dân sự địa phương do cơ quan có thẩm quyền quyết định trong phạm vi tổng biên chế và dự toán ngân sách hàng năm cho cơ quan thi hành án dân sự.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định phân bổ kinh phí hoạt động, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản cho Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và các cơ quan thi hành án dân sự địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Biên chế, kinh phí của Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, Thi hành án cấp quân khu:

a) Biên chế của Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, Thi hành án cấp quân khu do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định;

b) Kinh phí hoạt động của Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, Thi hành án cấp quân khu do cơ quan có thẩm quyền quyết định trong dự toán ngân sách hàng năm cho cơ quan thi hành án trong quân đội.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phân bổ kinh phí cho Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và Thi hành án cấp quân khu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Con dấu và tài khoản

Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Thi hành án cấp quân khu có con dấu

quốc huy, có tư cách pháp nhân và có tài khoản riêng.

CHƯƠNG II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

MỤC 1

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THUỘC BỘ TƯ PHÁP

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp

1. Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước, có các nhiệm vụ, quyền hạn chung sau đây:

- a) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp về xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự;
- b) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý tổ chức, cán bộ của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương; tham mưu để Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo hoặc chỉ đạo theo thẩm quyền việc áp dụng thống nhất các quy định pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự;
- c) Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ công tác thi hành án dân sự; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho Chấp hành viên và công chức khác của cơ quan thi hành án dân sự địa phương;
- d) Giải quyết khiếu nại về thi hành án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự; giải quyết tố cáo về thi hành án dân sự theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Cục Thi hành án dân sự do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

Điều 7. Tổ chức và cán bộ, công chức của Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp

1. Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có các Phòng trực thuộc do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.
2. Cục Thi hành án dân sự có Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp thi hành án và công chức khác.
3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện quản lý ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp thuộc Cục Thi hành án dân sự.
4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn, ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp thuộc Cục Thi hành án dân sự sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

MỤC 2

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN,

TỔ CHỨC CỦA CỤC THI HÀNH ÁN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 8. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng

1. Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong quân đội, có các nhiệm vụ, quyền hạn chung sau đây :

- a) Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án trong quân đội; tham mưu để Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo hoặc chỉ đạo theo thẩm quyền việc áp dụng thống nhất các quy định pháp luật về thi hành án trong quân đội;
- b) Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ công tác thi hành án dân sự; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho Chấp hành viên và cán bộ của Thi hành án cấp quân khu; chuẩn bị hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chấp hành viên của Thi hành án cấp quân khu trình Hội đồng tuyển chọn;
- c) Phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng quản lý tổ chức, cán bộ của Thi hành án cấp quân khu; phối hợp với Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong quân đội;